TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Số: 64/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 19-8-2023
V/v Tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quốc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Ông Nguyễn Thành Vui

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa: ông Cao Thanh Nam - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 81/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2023/QĐST-HPT ngày 29 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1989
Nơi thường trú: Tổ 5, ấp Bù Linh, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh
Có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1982
Nơi thường trú: Tổ 5, ấp Bù Linh, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh
Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trịnh Thị T trình bày:

Bà T và ông T là vợ chồng đã tự nguyện kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Nay bà T xin ly hôn với ông T

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Lê Trọng Nghĩa, sinh ngày 10/7/2010 và Lê Hải Đăng, sinh ngày 30/10/2014. Khi ly hôn bà T xin nuôi 02 người con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng không nhận ai làm con nuôi, hiện tại bà T không mang thai.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về nợ: Không có

Bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Ông T có hộ khẩu thường trú tại xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên ông T không đến Tòa án để cung cấp lời khai, chứng cứ và vắng mặt khi tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa.

+ Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Thaọ vắng mặt nhưng Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nên đề nghị xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trịnh Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trịnh Thị T được ly hôn với ông Lê Văn T

- Về con chung: Giao 02 người con chung tên Lê Trọng Nghĩa, sinh ngày 10/7/2010 và Lê Hải Đăng, sinh ngày 30/10/2014cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: Nguyên đơn bà Trịnh Thị T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh đề nghị giải quyết ly hôn với ông ông Lê Văn T.

Xét thấy ông T có nơi thường trú tại xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông T vắng mặt, tuy nhiên Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng đối với ông T. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy bà T và ông Thaọ tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh ngày 09/11/2009, vì vậy hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp. Tại phiên tòa và quá trình giải quyết vụ án ông T vắng mặt. Tòa án tiến hành tống đạt các thủ tục theo quy định pháp luật nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có mặt tại tòa, không thực hiện quyền lợi của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của bà T và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được để xem xét. Bà T trình bày vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên ông T và bà T đã sống ly thân từ tháng 11/2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Tại phiên tòa bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định không còn tình cảm với ông T. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T đã trầm trọng, cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà T được ly hôn với ông T.

[3]. Về con chung: Ông T và bà T có 02 người con chung tên Lê Trọng Nghĩa, sinh ngày 10/7/2010 và Lê Hải Đăng, sinh ngày 30/10/2014. Khi ly hôn bà T xin nuôi 02 người con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng không nhận ai làm con nuôi, hiện tại bà T không mang thai.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T không có mặt tại Tòa án để cung cấp lời khai, ý kiến về việc nuôi con, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Nghĩa và cháu Đăng. Cả hai người con của bà T và ông T đều có nguyện vọng ở với mẹ nên cần giao 02 người con chung tên Lê Trọng Nghĩa, và Lê Hải Đăng cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5]. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà T phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

[8]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, Điều 58 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị T;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị T được ly hôn với ông Lê Văn T

2. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Lê Trọng Nghĩa, sinh ngày 10/7/2010 và Lê Hải Đăng, sinh ngày 30/10/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Buộc bà Trịnh Thị T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0010344 ngày 13/3/2023.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã Lộc Điền;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quốc Tú